

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
Số: 287/TTMS-NVĐT

V/v hướng dẫn xây dựng, tổng hợp
nhu cầu thuốc đấu thầu tập trung cấp
quốc gia giai đoạn 2024-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2024

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/
Đơn vị mua sắm tập trung địa phương;
- Y tế các Bộ/Ngành;
- Các Bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế.

Ngày 23/6/2023, Quốc Hội đã ban hành Luật Đấu thầu và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024.

Ngày 04/3/2024, Bộ Y tế đã tổ chức buổi họp về việc xin ý kiến Dự thảo Thông tư ban hành danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc; thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm gồm 29 thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia. Lãnh đạo Bộ Y tế đã chỉ đạo chủ động tăng cường danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia và danh mục thuốc áp dụng hình thức đàm phán giá.

Để đảm bảo thuốc cho các cơ sở y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh kể từ ngày 01/9/2024, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) tiến hành tổ chức đấu thầu các thuốc thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia để cung cấp cho các cơ sở y tế sử dụng trong 24 tháng, Trung tâm hướng dẫn các đơn vị tổng hợp nhu cầu thuốc của các cơ sở y tế như sau:

1. Dự thảo danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2024-2026 (Phụ lục kèm theo).

2. Căn cứ và yêu cầu xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc:

- Căn cứ tình hình mua thuốc, sử dụng thuốc của năm trước liền kề.
- Phù hợp nhu cầu sử dụng, mô hình bệnh tật và phân tuyến kỹ thuật.
- Xây dựng chi tiết từng thuốc, từng nhóm và phân chia tiến độ theo từng đợt (mỗi đợt 03 tháng).

- Dự trù số lượng thuốc sử dụng trong thời gian 24 tháng (kể từ 01/9/2024 - 31/8/2026).

3. Hướng dẫn tổng hợp nhu cầu thuốc:

a. Đối với Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương:

- Hướng dẫn các cơ sở y tế trên toàn tỉnh (bao gồm các cơ sở y tế trực thuộc và các cơ sở y tế thuộc Bộ/Ngành trên địa bàn) xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu trên phần mềm của Trung tâm: tms.moh.gov.vn.

- Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tổ chức rà soát, tổng hợp nhu cầu, báo cáo Sở Y tế thẩm định nhu cầu sử dụng thuốc của tất cả các cơ sở y tế trên toàn tỉnh (bao gồm các cơ sở y tế trực thuộc và các cơ sở y tế thuộc Bộ/Ngành trên địa bàn).

b. Đối với các cơ quan quản lý y tế các Bộ/Ngành:

- Hướng dẫn các cơ sở y tế trực thuộc xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc phù hợp với nhu cầu sử dụng, mô hình bệnh tật, tình hình sử dụng thuốc của các năm

trước, gửi Sở Y tế các tỉnh, thành phố nơi đơn vị đóng trên địa bàn/Đơn vị mua sắm tập trung địa phương để tổng hợp và gửi cơ quan quản lý Y tế Bộ/Ngành để báo cáo.

- Phối hợp với Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Đơn vị mua sắm tập trung địa phương trong việc tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các đơn vị trực thuộc.

c. Đối với các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế:

Xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu tại phần mềm của Trung tâm: ttms.moh.gov.vn trên cơ sở ý kiến Hội đồng thuốc và điều trị của đơn vị, gửi về Trung tâm để tổng hợp.

d. Đề cử thể thao tác chính xác trên hệ thống phần mềm của Trung tâm, các đơn vị có thể tham khảo cách lập dự trù thuốc tại địa chỉ: ncdp.vn (tại mục: Hướng dẫn các phần mềm).

4. Các tài liệu đề nghị gửi kèm theo:

a. Đối với các cơ sở y tế có đề xuất nhu cầu:

- Công văn đề xuất sử dụng thuốc kèm theo cam kết sử dụng tối thiểu 80% số lượng đã lập kế hoạch.

- Kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu trên phần mềm của Trung tâm (*Chi tiết tại biểu mẫu 01 kèm theo*)

- Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu, tình hình sử dụng thuốc của năm 2023, số lượng thuốc tồn kho và số lượng trong kế hoạch chưa thực hiện tại thời điểm lập dự trù của các cơ sở y tế (*Chi tiết tại biểu mẫu 02 kèm theo*). Giải trình tóm tắt kế hoạch mua thuốc đang đề nghị; nếu có thay đổi tăng hoặc giảm trên 30% số lượng đã sử dụng của năm trước phải giải trình, thuyết minh cụ thể.

- Biên bản họp của Hội đồng thuốc và điều trị của cơ sở y tế.

b. Đối với các đơn vị tổng hợp nhu cầu:

- Công văn và kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu trên phần mềm của các cơ sở y tế đã được Sở Y tế thẩm định/Đơn vị mua sắm tập trung địa phương (*Chi tiết tại biểu mẫu 03 kèm theo*).

- Bảng tổng hợp số lượng đề xuất chung của toàn tỉnh theo biểu mẫu trên phần mềm (*Chi tiết tại biểu mẫu 04 kèm theo*).

- Biên bản của Sở Y tế thẩm định về danh mục, số lượng thuốc, nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế đóng trên địa bàn (*kèm theo toàn bộ tài liệu liên quan đề xuất nhu cầu thuốc của các cơ sở y tế: Kế hoạch sử dụng thuốc; Thuyết minh tình hình sử dụng thuốc; Biên bản họp của hội đồng thuốc và điều trị*).

5. Cơ sở y tế không có kế hoạch sử dụng thuốc thuộc Danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2024-2026 nêu trên, đề nghị các đơn vị có công văn xác nhận gửi về Trung tâm để tổng hợp và báo cáo.

Đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Y tế các bộ, ngành, các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế triển khai thực hiện. Báo cáo xin gửi về Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia trước ngày **08/4/2024**, địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội. Trong quá trình xây dựng và tổng hợp dự trù thuốc nếu có vướng mắc xin liên hệ Phòng Nghiệp vụ Đầu thầu, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, SĐT: 024 6273 2383 hoặc liên hệ số điện thoại cán bộ đầu mối các miền: miền Bắc (ThS Nghĩa: 0965072221); miền Trung và khu vực Tây Nguyên: (ThS Đức: 0915256286); miền Nam (DS Pháp: 0787744738).

Nếu quá thời hạn trên mà Trung tâm không nhận được báo cáo, Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu của các đơn vị gửi chậm và hiểu là các đơn vị không có nhu cầu sử dụng. Sở Y tế các tỉnh, thành phố, y tế các bộ ngành, các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ phải chịu trách nhiệm về việc không có thuốc sử dụng cho việc khám, chữa bệnh của đơn vị mình.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc; thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm có sự thay đổi về danh mục thuốc so với danh mục thuốc tại Phụ lục kèm theo công văn, Trung tâm sẽ tiếp tục có văn bản hướng dẫn.

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia kính đề nghị đồng chí Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, cá nhân có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Lê Đức Luận (để báo cáo);
- Vụ/Cục: KHTC, Quản lý Dược;
- PGĐ Nguyễn Đại Hùng;
- Lưu: VT, NVĐT.

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Công

PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC ĐẤU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2024 - 2026



TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
1	J01CR02.02.01.N1	Amoxicilin + Clavulanic Acid	Nhóm 1	875mg + 125mg	uống	viên	viên	6.800
2	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Clavulanic Acid	Nhóm 2	875mg + 125mg	uống	viên	viên	6.790
3	C10AA05.01.01.N1	Atorvastatin	Nhóm 1	10mg	uống	viên	viên	900
4	C10AA05.01.01.N2	Atorvastatin	Nhóm 2	10mg	uống	viên	viên	305
5	C10AA05.02.01.N1	Atorvastatin	Nhóm 1	20mg	uống	viên	viên	1.700
6	C10AA05.02.01.N2	Atorvastatin	Nhóm 2	20mg	uống	viên	viên	390
7	C07AB07.01.01.N1	Bisoprolol fumarate	Nhóm 1	5mg	uống	viên	viên	730
8	C07AB07.01.01.N2	Bisoprolol fumarate	Nhóm 2	5mg	uống	viên	viên	600
9	L01BC06.01.01.N1	Capecitabin	Nhóm 1	500mg	uống	viên	viên	38.430
10	L01BC06.01.01.N2	Capecitabin	Nhóm 2	500mg	uống	viên	viên	7.900
11	J01DB04.01.01.N1	Cefazolin	Nhóm 1	1g	tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Ống/Lọ	26.000
12	J01DB04.01.01.N2	Cefazolin	Nhóm 2	1g	tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Ống/Lọ	18.900
13	J01DE01.02.06.N1	Cefepime	Nhóm 1	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	43.700
14	J01DE01.02.06.N2	Cefepime	Nhóm 2	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	26.400
15	J01DD01.02.06.N1	Cefotaxime	Nhóm 1	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	12.390
16	J01DD01.02.06.N2	Cefotaxime	Nhóm 2	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	7.140
17	J01DD01.01.06.N1	Cefotaxime	Nhóm 1	2g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	29.400
18	J01DD01.01.06.N2	Cefotaxime	Nhóm 2	2g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	14.490
19	J01DD02.02.06.N1	Ceftazidime	Nhóm 1	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	21.525
20	J01DD02.02.06.N2	Ceftazidime	Nhóm 2	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	14.910
21	J01DD02.01.06.N1	Ceftazidime	Nhóm 1	2g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	39.480
22	J01DD02.01.06.N2	Ceftazidime	Nhóm 2	2g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	25.935
23	J01DB01.01.01.N1	Cephalexin	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên nang	viên	3.800
24	J01DB01.01.01.N2	Cephalexin	Nhóm 2	500mg	Uống	Viên nang	viên	1.680
25	J01DH51.01.06.N1	Imipenem + Cilastatin	Nhóm 1	500mg + 500mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	64.940
26	J01DH51.01.06.N2	Imipenem + Cilastatin	Nhóm 2	500mg + 500mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	64.940
27	J01FA09.01.01.N1	Clarithromycin	Nhóm 1	500mg	uống	viên	viên	16.900
28	J01FA09.01.01.N2	Clarithromycin	Nhóm 2	500mg	uống	viên	viên	6.200

[Handwritten signature]

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
29	A02BC05.02.01.N1	Esomeprazole	Nhóm 1	40mg	uống	viên bao tan ở ruột	viên	12.150
30	A02BC05.02.01.N2	Esomeprazole	Nhóm 2	40mg	uống	viên bao tan ở ruột	viên	1.093
31	A02BC05.02.06.N1	Esomeprazole	Nhóm 1	40mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	38.900
32	A02BC05.02.07.N2	Esomeprazole	Nhóm 2	40mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	21.000
33	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	Nhóm 1	500mg	uống	viên	viên	8.450
34	J01MA12.01.01.N2	Levofloxacin	Nhóm 2	500mg	uống	viên	viên	1.050
35	C09CA01.01.01.N1	Losartan kali	Nhóm 1	100mg	uống	viên	viên	9.450
36	C09CA01.01.01.N2	Losartan kali	Nhóm 2	100mg	uống	viên	viên	3.160
37	M01AC06.01.01.N1	Meloxicam	Nhóm 1	7,5mg	uống	viên	viên	928
38	M01AC06.01.01.N2	Meloxicam	Nhóm 2	7,5mg	uống	viên	viên	176
39	M01AC06.02.01.N1	Meloxicam	Nhóm 1	15mg	uống	viên	viên	3.200
40	M01AC06.02.01.N2	Meloxicam	Nhóm 2	15mg	uống	viên	viên	450
41	J01DH02.01.06.N1	Meropenem	Nhóm 1	500mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	48.300
42	J01DH02.01.06.N2	Meropenem	Nhóm 2	500mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	48.300
43	J01DH02.02.06.N1	Meropenem	Nhóm 1	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	79.830
44	J01DH02.02.06.N2	Meropenem	Nhóm 2	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	79.830
45	J01MA14.01.06.N1	Moxifloxacin	Nhóm 1	(1,6mg/ml) x 250ml	tiêm/truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	325.000
46	J01MA14.01.06.N2	Moxifloxacin	Nhóm 2	(1,6mg/ml) x 250ml	tiêm/truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	259.980
47	A02BC02.01.01.N1	Pantoprazole	Nhóm 1	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	1.090
48	A02BC02.01.01.N2	Pantoprazole	Nhóm 2	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	775
49	A02BC02.01.07.N1	Pantoprazole	Nhóm 1	40mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	68.450
50	A02BC02.01.07.N2	Pantoprazole	Nhóm 2	40mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	21.500
51	N02AJ13.01.01.N1	Paracetamol + Tramadol hydrochloride	Nhóm 1	325mg + 37,5mg	uống	viên	viên	4.137
52	N02AJ13.01.01.N2	Paracetamol + Tramadol hydrochloride	Nhóm 2	325mg + 37,5mg	uống	viên	viên	2.310
53	L01BA04.01.06.N1	Pemetrexed	Nhóm 1	100mg	tiêm/truyền	Thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	3.900.000

F

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
54	L01BA04.01.06.N2	Pemetrexed	Nhóm 2	100mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	635.000
55	L01BA04.02.06.N1	Pemetrexed	Nhóm 1	500mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	16.747.500
56	L01BA04.02.06.N2	Pemetrexed	Nhóm 2	500mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	1.538.000
57	N06BX03.01.01.N1	Piracetam	Nhóm 1	800mg	uống	viên	viên	1.225
58	N06BX03.01.01.N2	Piracetam	Nhóm 2	800mg	uống	viên	viên	669

E

syt_tayninh_vt_So Y te Tay Ninh / 1932024.07.58:39

Tên cơ sở y tế:
Mã cơ sở y tế:
Tỉnh:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC ĐƯỢC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA

(Kèm theo công văn Quốc gia số 11/MS-NVĐT ngày 11 tháng 03 năm 2024)

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	Số lượng sử dụng từ 01/01/2023-31/12/2023	Số lượng đề xuất năm 1				Số lượng đề xuất năm 2				Tổng cộng 2 năm	Đơn giá tạm tính (đồng)	Thành tiền (đồng)
								Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3			
1	J01CR02.02.01.N1	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 1 Viên											6.800	
2	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 2 Viên											6.790	
3	C10AA05.01.01.N1	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 1 Viên											900	
4	C10AA05.01.01.N2	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 2 Viên											305	
5	C10AA05.02.01.N1	Atorvastatin	viên	20mg	uống	Nhóm 1 Viên											1.700	
...

- Số lượng đề xuất năm 1 và số lượng đề xuất năm 2 được tính từ ngày 01/9/2024 đến ngày 31/8/2026

- Cơ sở y tế không được thay đổi định dạng (hiêm, xóa, ẩn bất kỳ cột, hàng) hay sửa thông tin thuốc của file mẫu trước khi nạp dữ liệu lên phần mềm.

- Cơ sở y tế dự trữ thuốc nhưng không có số lượng sử dụng của năm trước liên hệ phải nhập "X" vào ô "chưa sử dụng" tại file mẫu.

- Cơ sở y tế dự trữ thuốc và có số lượng sử dụng của năm trước liên hệ nhưng không có số lượng thanh toán bảo hiểm y tế kê trước phải nhập "X" vào ô "chỉ dùng cho dịch vụ" tại file mẫu.

Người lập biểu
(Kí và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Thời điểm in:

(Handwritten mark)

Tên cơ sở y tế:
Mã cơ sở y tế:
Tỉnh:

BIỂU MẪU 02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC THUỐC CÓ HOẠT CHẤT, NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG CÙNG CÁC THUỐC THUỐC DANH MỤC ĐAU THAU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA
(Kèm theo có phiếu GIA 287 TTMS-NVDT ngày 03 tháng 03 năm 2024)



TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	DVT	Tổng số lượng dự trữ năm 1	Tình hình sử dụng từ 01/01/2023-31/12/2023		Trong đó: phần thanh toán BHYT		SL tồn kho tại thời điểm dự trữ	SL trong kế hoạch chưa thực hiện tại thời điểm dự trữ	Tỷ lệ dự trữ/ sử dụng (%)	Giải trình	
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền					
1	J01CR02.02.01.N1	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 1	Viên										
2	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 2	Viên										
3	C10AA05.01.01.N1	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 1	Viên										
4	C10AA05.01.01.N2	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 2	Viên										
5	C10AA05.02.01.N1	Atorvastatin	viên	20mg	uống	Nhóm 1	Viên										
...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phiên bản:.....

[Handwritten mark]

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC THUỐC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA

(Kèm theo công văn số 23+/TT/MS-N/ĐT ngày 11 tháng 05 năm 2024)



TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKP	Số lượng/đơn vị	Số lượng đề xuất năm 1					Số lượng đề xuất năm 2					Đơn giá tạm tính (đồng)	Thành tiền (đồng)			
								Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4					
1	J01CR02.02.01.N1	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 1	Viên													6.800		
2	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 2	Viên														6.790	
3	C10AA05.01.01.N1	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 1	Viên														900	
4	C10AA05.01.01.N2	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 2	Viên														305	
5	C10AA05.02.01.N1	Atorvastatin	viên	20mg	uống	Nhóm 1	Viên														1.700	
...																						

Lưu ý:

- Số lượng đề xuất năm 1 và số lượng đề xuất năm 2 được tính từ ngày 01/9/2024 đến ngày 31/8/2026
- Cơ sở y tế không được thay đổi định dạng (hộp, vỉ, gói, ống tiêm, ống tiêm, ống tiêm, ống tiêm) hay sửa thông tin thuốc của file mẫu trước khi nạp dữ liệu lên phần mềm.
- Cơ sở y tế dự trữ thuốc nhưng không có số lượng sử dụng của năm trước liên hệ kê khai nhập "X" vào ô "chưa sử dụng" tại file mẫu.
- Cơ sở y tế dự trữ thuốc và có số lượng sử dụng của năm trước liên hệ kê nhưng không có số lượng thành toán báo hiểm y tế kê trước phải nhập "X" vào ô "chỉ dùng cho dịch vụ" tại file mẫu.

Người lập biểu
(Kí và ghi rõ họ tên)

Thu trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Thời điểm in:.....

Phiên bản:.....

[Handwritten signature]

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC THƯỜNG DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA (CHI TIẾT THEO CƠ SỞ Y TẾ)
(Kèm theo **Biểu mẫu số 31/TMS/NVDT** ngày **11 tháng 03 năm 2024**)



TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm PKCT	Đường dùng	Số lượng để xuất năm 1				Số lượng để xuất năm 2				Số lượng sử dụng từ 01/01/2023 - 31/12/2023	Tỉ lệ thành toán BHYT (%)	Đơn vị dự trữ
								Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2			
1	J01CR02.02.01.N1	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 1	Viên											
2	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 2	Viên											
3	C10AA05.01.01.N1	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 1	Viên											
4	C10AA05.01.01.N2	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 2	Viên											
5	C10AA05.02.01.N1	Atorvastatin	viên	20mg	uống	Nhóm 1	Viên											
...																		

Lưu ý: - Số lượng để xuất năm 1 và số lượng để xuất năm 2 được tính từ ngày 01/9/2024 đến ngày 31/8/2026

- Cơ sở y tế không được thay đổi định dạng (thêm, xóa, ẩn bất kỳ cột, hàng) hay sửa thông tin thuốc của file mẫu trước khi nạp dữ liệu lên phần mềm.

- Cơ sở y tế dự trữ thuốc nhưng không có số lượng sử dụng của năm trước liên hệ phải nhập "x" vào ô "chưa sử dụng" tại file mẫu.

- Cơ sở y tế dự trữ thuốc và có số lượng sử dụng của năm trước liên hệ nhưng không có số lượng thành toán báo hiểm y tế thì trước phải nhập "x" vào ô "chỉ dùng cho dịch vụ" tại file mẫu.

Người lập biểu
(Kí và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Phiên bản:

Thời điểm in: